TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A LƯỚI** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **24** /2017/HNGĐ-ST Ngày 24/5/2017 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chinh.

Ông Hồ Văn Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hươi, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2016/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2016 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã V, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Tổ M, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Khắc Phi H, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã V, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn đề ngày 21/10/2016, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh Đinh Khắc Phi H chung sống có đăng ký kết hôn ngày 26/4/2011 tại UBND xã V, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vì hoàn cảnh sinh con, điều kiện công việc nên vợ chồng không thường xuyên chung sống; những lúc không chung sống hay chị về nhà bố mẹ đẻ tại Hà Tĩnh sinh con thì anh H không quan tâm chăm sóc, yêu thương vợ, con mà chỉ thỉnh thoảng liên hệ qua điện thoại, những lúc gặp nhau thì thường hay bất đồng, cãi vã nhau, có quan hệ không rõ ràng với người khác; chị đã trao đổi với anh H

tạo điều kiện nơi ở, việc làm để vợ chồng gần gũi, chung sống nhưng anh H không thống nhất nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 8/2016, chị đã nộp đơn yêu cầu ly hôn; được động viên, hòa giải, chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng khi trở được thời gian ngắn thì mâu thuẫn tiếp diễn, anh H có hành vi bạo lực, đánh đập chị nên từ tháng 9/2016, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; từ đó đến nay, anh H chỉ thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại trò chuyện với con, không quan tâm đến chị, vợ chồng không chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con: Vợ chồng có hai con chung là cháu Đinh Quang M, sinh ngày 13/10/2012 và cháu Đinh Thị Thu P, sinh ngày 24/4/2015. Từ tháng 9/2016, chị nuôi dưỡng cháu P và ở chung với bố mẹ đẻ; cháu M ở tại xã V và do anh H trực tiếp chăm sóc. Chị yêu cầu giao cháu M cho anh H, giao cháu P cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên như thỏa thuận với anh H; chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản và nghĩa vụ trả nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 23/11/2016, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đinh Khắc Phi H trình bày:

Anh với chị T kết hôn có đăng ký đúng như chị T trình bày. Anh thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng do khoảng cách địa lý, hoàn cảnh chung sống, vợ sinh con liên tiếp, điều kiện công việc của anh nên vợ chồng ít có thời gian chung sống với nhau, anh vẫn đóng góp tài chính cho vợ con nhưng ít có thời gian quan tâm chăm sóc vợ về tình cảm; trước đây, chị T có nộp đơn ly hôn, được hòa giải động viên nên chị T rút đơn để vợ chồng đã đoàn tụ nhưng sau đó do anh thiếu kiềm chế, có bạo lực với vợ nên chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn và đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9/2016 đến nay; vợ chồng chỉ gặp nhau những lúc Tòa án triệu tập. Anh không chấp nhận ly hôn.

Về con: Anh công nhận vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày. Từ khi chị T về nhà bố mẹ đẻ tại Hà Tĩnh thì mang theo và nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Thu P; anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Quang M. Trường hợp ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Tài sản và nghĩa vụ trả nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Vợ chồng chị Phan Thị T và anh Đinh Khắc Phi H đã ly thân nhau, quan hệ tình nghĩa vợ chồng không còn nên mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T ly hôn anh H; về con giao cháu Đinh Quang M cho anh H nuôi, giao cháu Đinh Thị Thu P cho chị T nuôi như thỏa thuận; về án phí buộc

chị T phải chịu án phí ly hôn 200.000 đồng theo Luật Phí, lệ phí và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Đinh Khắc Phi H đăng ký kết hôn ngày 26/4/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2011 của UBND xã V. Thời điểm kết hôn có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là sự kiện không phải chứng minh. Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, thấy rằng: Chị Phan Thị T và anh Đinh Khắc Phi H đều thừa nhận giữa vợ chồng không hợp nhau, do điều kiện công việc, cuộc sống, việc sinh con nên vợ chồng ít chung sống với nhau, anh H ít dành thời gian quan tâm chăm sóc vợ con. Xét hoàn cảnh chung sống sau khi kết hôn, chị T thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con, chưa có việc làm, bố mẹ đẻ và người thân thích ở xa, vợ chồng mỗi người một nơi, anh H có việc làm nhưng ngoài đóng góp tài chính thì ít quan tâm chăm sóc vợ con là không thể hiện quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc vợ nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình. Sau khi mâu thuẫn đã được Tòa án hòa giải, động viên, chị T rút đơn để vợ chồng đoàn tụ thì anh H còn có hành vi bạo lực với chị T là không có thiện chí hàn gắn. Từ khi vợ chồng không chung sống đến nay cũng tỏ ra bỏ mặc, người nào chỉ lo bổn phận của người đó, con cái cũng đã thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, không có trách nhiệm với nhau chăm lo cuộc sống chung.

Như vậy, đã có sự vi phạm quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng và bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận cho chị T được ly hôn anh H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con: Cả hai thừa nhận có hai con chung là cháu Đinh Quang M, sinh ngày 13/10/2012, cháu Đinh Thị Thu P, sinh ngày 24/4/2015 và hiện tại cháu M đang ở với anh H, cháu P đang ở với chị T; cả hai thỏa thuận nếu ly hôn thì anh H trực tiếp nuôi cháu M, chị T trực tiếp nuôi cháu Phương.

Xét cháu Đinh Thị Thu P chưa đủ 36 tháng tuổi, thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

Cháu Đinh Quang M đang ở với anh H và đi học tại xã V nên thỏa thuận giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng để cháu ổn định việc ăn ở, học tập là đảm bảo quyền lợi của cháu, phù hợp khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H không có yêu cầu. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng cả hai tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị Phan Thị T và anh Đình Khắc Phi H đều không có yêu cầu giải quyết, phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Cần căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Đinh Khắc Phi H; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Về con chung: Giao cháu Đinh Quang M, sinh ngày 13/10/2012 cho anh Đinh Khắc Phi H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi);

Giao cháu Đinh Thị Thu P, sinh ngày 24/4/2015 cho chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Thị T phải chịu án phí ly hôn là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2011/001759 ngày 02/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A; chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi

hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A Lưới;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Trường